**NỘI DUNG ÔN TẬP SINH 6**

**CHƯƠNG VII QUẢ VÀ HẠT**

**I. Nội dung bài học**

**Hệ thống hóa kiến thức**

Quả khô nẻ: Khi chín khô vỏ quả tự nứt ra cho hạt rơi ra ngoài. VD: Đậu Hà Lan, đậu xanh, đậu đen, quả cải

**Các loại quả**

Quả khô: Khi chín vỏ khô, cứng, mỏng. VD: Quả đậu Hà lan, quả chò

Quả thịt: Khi chín thì mềm, vỏ dày, chứa đầy thịt. VD: Quả cà chua, quả mơ

Quả khô không nẻ: Khi chín khô vỏ quả không tự nứt ra. VD: Quả chò, quả thìa là

Quả mọng: quả chứa toàn thịt. VD: quả chanh, quả cà chua

Quả hạch: quả ngoài phần thịt còn có hạch cứng chứa hạt bên trong. VD: Quả táo ta, quả mơ

Thân mầm

Rễ mầm

Lá mầm

Ở trong lá mầm (Hạt 2 lá mầm)

Vỏ

Các bộ phận của hạt

Phôi

Chồi mầm

**Hạt và các bộ phận của hạt**

Chất dinh dưỡng dự trữ

Ở trong phôi nhũ (Hạt 1 lá mầm)

Cây 1 lá mầm phôi của hạt có 1 lá mầm. VD: cây ngô, cây lúa, cây kê

Phân biệt cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm

Cây 2 lá mầm phôi của hạt có 2 lá mầm. VD: cây đỗ đen, cây bưởi, cây cam

Quả và hạt có cánh hoặc túm lông

Phát tán nhờ gió

VD: Quả bồ công anh, quả trâm bầu, quả chò, hạt hoa sữa

Phát tán của quả và hạt

Phát tán nhờ động vật

Quả có nhiều gai móc hoặc quả có hương thơm vị ngọt, hạt có vỏ cứng

VD: Quả cây xấu hổ, hạt thông, quả ké đầu ngựa

Khi chín khô vỏ quả tự nứt ra cho hạt rơi ra ngoài

Tự phát tán

VD: Quả cải, quả chi chi, quả đậu bắp

Điều kiện bên ngoài: độ ẩm, không khí, nhiệt độ

Điều kiện cần cho hạt nảy mầm

Điều kiện bên trong: chất lượng hạt giống

Những điều kiện cần cho hạt nảy mầm

Sau khi gieo hạt gặp mưa to, nếu đất bị úng phải tháo hết nước ngay

Những hiểu biết về điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng trong sản xuất

Phải làm đất thật tơi xốp trước khi gieo hạt

Khi trời rét phải phủ rơm, rạ cho hạt đã gieo

Phải gieo hạt đúng thời vụ

Phải bảo quản hạt giống tốt

**II. Câu hỏi ôn tập**

**Câu 1.** Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt quả khô và quả thịt? Hãy kể tên ba loại quả khô và ba loại quả thịt.

**Câu 2.** Quả mọng khác với quả hạch ở điểm nào? Hãy kể tên ba loại quả mọng và ba loại quả hạch.

**Câu 3.** Vì sao phải thu hoạch đỗ xanh và đỗ đen trước khi quả chín khô?

**Câu 4**. Em hãy nêu các bộ phận của hạt?

**Câu 5.** Đặc điểm chủ yếu để phân biệt hạt 1 lá mầm và hạt 2 lá mầm là gì? Cho ví dụ cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm.

**Câu 6.** Vì sao người ta chỉ giữ lại làm giống những hạt to, chắc, mẩy, không bị sứt sẹo và không bị sâu bệnh?

**Câu 7.** Em hãy nêu các cách phát tán của quả và hạt? Nêu đặc điểm của quả và hạt từng cách phát tán? Cho ví dụ.

**Câu 8.** Những điều kiện bên ngoài và bên trong nào cần cho hạt nảy mầm?

**Câu 9**. Em hãy nêu những hiểu biết về những điều kiện nảy mầm của hạt được vận dụng trong sản xuất?

**HS ÔN TẬP SINH 7**

**BÀI TẬP VỀ LỚP BÒ SÁT**

**Câu 1**: **Đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Ý nghĩa thích nghi** |
| 1 | Da khô, vảy sừng bao bọc |  |
| 2 | Có cổ dài |  |
| 3 | Mắt có mi cử động, có nước mắt |  |
| 4 | Màng nhĩ nằm trong hốc nhỏ bên đầu |  |
| 5 | Thân dài, đuôi rất dài |  |
| 6 | Bàn chân có 5 ngón có vuốt |  |

**Câu 2: So sánh đời sống của thằn lằn bóng với ếch đồng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Đời sống | | Thằn lằn bóng | Ếch đồng |
| Nơi sống | |  |  |
| Thời gian hoạt động | |  |  |
| Tập tính | Trú đông |  |  |
| Lối sống |  |  |
| Hô hấp | |  |  |
| Nhiệt độ cơ thể | |  |  |

**Câu 3: Trình bày sự ra đời và diệt vong của thời đại khủng long**

**Câu 4: Đặc điểm chung của bò sát**

|  |  |
| --- | --- |
| STT | Đặc điểm chung |
| 1. Môi trường sống |  |
| 2. Da, vảy |  |
| 3. Cổ |  |
| 4. Vị trí màng nhĩ |  |
| 5. Cơ quan di chuyển |  |
| 6. Hệ hô hấp |  |
| 7. Hệ tuần hoàn |  |
| 8. Hệ sinh dục |  |
| 9. Sự thụ tinh |  |
| 10. Trứng |  |
| 11. Nhiệt độ cơ thể |  |

**Câu 5: Vai trò thực tiễn của bò sát đối với tự nhiên và con người**

**NỘI DUNG ÔN TẬP SINH 8**

**CHƯƠNG VII BÀI TIẾT**

**I. Nội dung bài học**

**1/ Tiết 40 – Bài 38: BÀI TIẾT VÀ CẤU TẠO HỆ BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU**

**I. Bài tiết**

**-** Hoạt động bài tiết do:

+ Da bài tiết mồ hôi.

+ Phổi bài tiết khí CO2.

+ Thận bài tiết các chất thải khác qua nước tiểu.

- Vai trò của bài tiết:

+ Bài tiết giúp cơ thể loại bỏ các chất cặn bã và các chất độc hại ra môi trường

+ Hoạt động bài tiết duy trì tính ổn định của môi trường trong cơ thể tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trao đổi chất diễn ra bình thường.

**II.** **Cấu tạo của hệ bài tiết nước tiểu**

- Hệ bài tiết nước tiểu gồm: Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái.

- Thận gồm 2 quả thận với khoảng 2 triệu đơn vị chức năng để lọc máu và hình thành nước tiểu.

- Mỗi đơn vị chức năng của thận gồm: Cầu thận, nang cầu thận, ống thận.

**2/** **Tiết 41 – Bài 39: BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU**

**I. Tạo thành nước tiểu**

- Sự tạo thành nước tiểu ở các đơn vị chức năng của thận.

- Gồm 3 quá trình:

+ Quá trình lọc máu: ở cầu thận để tạo ra nước tiểu đầu.

+ Quá trình hấp thụ lại: ở ống thận (hấp thụ lại chất cần thiết vào máu).

+ Quá trình bài tiết tiếp: ở ống thận (bài tiết tiếp chất độc và chất không cần thiết), để tạo thành nước tiểu chính thức và ổn định một số thành phần của máu.

**II. Thải nước tiểu**

- Nước tiểu chính thức (1,5l) 🡪 bể thận🡪 ống dẫn nước tiểu 🡪 tích trữ ở bóng đái 🡪 ống đái 🡪thoát ra ngoài nhờ hoạt động của cơ vòng ống đái, cơ bóng đái và cơ bụng.

- Thực chất quá trình tạo nước tiểu là lọc máu và thải chất cặn bã, chất độc, chất thừa ra khỏi cơ thể.

**3/ Tiết 42 – Bài 40: VỆ SINH HỆ BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU**

**I. Một số tác nhân chủ yếu gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu.**

- Các tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu.

+ Các vi khuẩn gây bệnh.

+ Các chất độc trong thức ăn, đồ uống.

+ Khẩu phần ăn uống không hợp lý.

**II. Cần xây dựng các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh các tác nhân có hại**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thói quen sống khoa học** | **Cơ sở khoa học** |
| 1- Thường xuyên giữ vệ sinh cho toàn cơ thể cũng như cho hệ bài tiết nước tiểu. | - Hạn chế tác hại của vi sinh vật gây bệnh |
| 2- Khẩu phần ăn uống hợp lí  + Không ăn quá nhiều Prôtêin, quá mặn, quá chua, quá nhiều chất tạo sỏi.  + Không ăn thức ăn thừa ôi thiu và nhiễm chất độc hại.  + Uống đủ nước | + Tránh cho thận làm việc quá nhiều và hạn chế khả năng tạo sỏi.  + Hạn chế tác hại của các chất độc.  + Tạo điều kiện cho quá trình lọc máu được thuận lợi. |
| 3- Đi tiểu đúng lúc, không nên nhịn tiểu lâu | Hạn chế khả năng tạo sỏi |

**II. Câu hỏi ôn tập**

**Câu 1.** Bài tiết đóng vai trò quan trọng như thế nào đối với cơ thể sống?

**Câu 2.** Các sản phẩm thải chủ yếu của cơ thể là gì? Việc bài tiết chúng do cơ quan nào đảm nhiệm?

**Câu 3.** Hệ bài tiết nước tiểu có cấu tạo như thế nào?

**Câu 4.** Trình bày quá trình tạo thành nước tiểu ở các đơn vị chức năng của thận?

**Câu 5.** Sự thải nước tiểu diễn ra như thế nào?

**Câu 6.** Em hãy nêu các tác nhân gây hại cho hệ bài tiết nước tiểu?

**Câu 7.** Em hãy nêu các thói quen sống khoa học để bảo vệ hệ bài tiết nước tiểu tránh các tác nhân có hại?

**HƯỚNG DẪN HS ÔN TẬP SINH 9**

**TIẾT 41,42**

**THỰC HÀNH: TÌM HIỂU THÀNH TỰU CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI VÀ CÂY TRỒNG**

**HS quan sát tranh ảnh tự sưu tầm hoàn thành bảng**

**Hoạt động 1**TÌM HIỂU THÀNH TỰU CHỌN GIỐNG VẬT NUÔI

**Bảng 39: Các tính trạng nổi bật và hướng sử dụng của một số giống vật nuôi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên giống*** | ***Hướng sử dụng*** | ***Tính trạng nổi bật*** |
| ***1*** | ***Giống bò -Bò sữa Hà Lan***  ***-Bò Sin*** |  |  |
| ***2*** | ***Giống lợn-Lợn Ỉ Móng cái***  ***-Lợn Bớc sai*** |  |  |
| ***3*** | ***Giống gà:-Gà Rốt ri***  ***-Gà Tam hoàng*** |  |  |
| ***4*** | ***Giống vịt:***  ***-Vịt cỏ, vịt bầu...***  ***- Vịt Supermeat.*** |  |  |
| ***5*** | ***Giống cá:***  ***- Rô phi đơn tính***  ***- Chép lai.***  ***-Cá chim trắng.*** |  |  |

**Hoạt động 2** TÌM HIỂU THÀNH TỰU CHỌN GIỐNG CÂY TRỒNG

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Tên giống*** | ***Tính trạng nổi bật*** |
| ***1*** | ***- Giống lúa CR 203***  ***- Giống lúa CM2***  ***- Giống lúa BIR352*** |  |
| ***2*** | ***- Giống ngô lai LNV4***  ***- Giống ngô LNV20*** |  |
| ***3*** | ***Giống cà chua Hồng Lan***  ***Giống cà chua P375*** |  |

**câu hỏi ôn tập:**

Câu 1:Thoái hóa do tự thụ phấn và giao phối gần biểu hiện như thế nào? Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa

Câu 2: Ưu thế lai là gì? Các phương pháp tạo ưu thế lai ở cây trồng và vật nuôi?